

## KẾ HOẠCH

**Triển khai Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông, phê duyệt Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại tỉnh Kiên Giang năm 2022**

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông, phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các Nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông, phê duyệt Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông tại tỉnh Kiên Giang năm 2022 (gọi tắt là *Kế hoạch*), cụ thể như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

a) Phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh với cấu trúc quy định tại Phụ lục I nhằm thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

b) Hình thành cơ sở dữ liệu địa chỉ số trên địa bàn tỉnh để tích hợp trong cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia, đồng thời chia sẻ cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khai thác, xây dựng các bản đồ số chuyên ngành phục vụ nhu cầu quản lý và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh.

c) Hoàn thành chỉ tiêu về địa chỉ số theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông về phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.



## 2. Yêu cầu

a) Triển khai có hiệu quả Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số.

b) Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa các bên để triển khai Kế hoạch: Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; doanh nghiệp phát triển Nền tảng địa chỉ số và các doanh nghiệp phát triển Nền tảng bản đồ số.

c) Làm tốt công tác truyền thông về Kế hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng: Báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại, Nền tảng số, mạng xã hội.

## 3. Đối tượng tham gia Kế hoạch

- a) Sở Thông tin và Truyền thông;
- b) Sở Tài nguyên và Môi trường;
- c) Báo Kiên Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang;
- d) UBND các huyện, thành phố;
- đ) UBND các xã, phường, thị trấn;
- e) Bưu điện tỉnh Kiên Giang (doanh nghiệp phát triển Nền tảng địa chỉ số);
- g) Các doanh nghiệp phát triển Nền tảng bản đồ số;
- h) Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số.

## II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

### 1. Tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia

a) Thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng tại Phụ lục II vào cơ sở dữ liệu địa chỉ số của tỉnh (một địa chỉ số khi thu thập, cập nhật dữ liệu phải đảm bảo tối thiểu có đầy đủ các trường thông tin cơ bản).

b) Khuyến khích việc thu thập, cập nhật các trường thông tin nâng cao để phục vụ công tác thông báo địa chỉ số và phát triển Nền tảng, cơ sở dữ liệu (CSDL) địa chỉ số đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội.

### 2. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số

a) Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ về địa chỉ số như: Tìm kiếm địa chỉ, gợi ý địa chỉ số, xác thực địa chỉ, định danh tọa độ/địa chỉ và các dịch vụ địa chỉ số khác.

b) Triển khai, thúc đẩy sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu địa chỉ số phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, kết hợp xây dựng Nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số phục vụ các ngành, lĩnh vực như: Bản đồ dịch tễ, bản đồ vùng an toàn dịch bệnh, bản đồ y tế, bản đồ giáo dục, bản đồ du lịch, bản đồ nông sản, bản đồ cột nước cứu hỏa...

d) Triển khai các dịch vụ ứng dụng Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số khác.

### **3. Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số**

a) Tổ chức thông báo thông tin mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ, bao gồm:

- Chủ sở hữu đối tượng/công trình được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình của cá nhân, hộ gia đình);

- Người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng/công trình được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công trình thuộc sở hữu tập thể);

- Người đang sử dụng, quản lý đối tượng, công trình được gán địa chỉ số.

b) Hình thức thông báo

Việc thông báo địa chỉ số được thực hiện qua một trong các kênh sau đây: Chính quyền xã, phường, ấp, khu vực; tổ công nghệ cộng đồng; gặp trực tiếp; gửi qua tin nhắn, thư điện tử, thư bưu chính.

c) Gắn biển địa chỉ số

- Ban hành mẫu Biển địa chỉ số thống nhất trong toàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông (chứa thông tin mã địa chỉ số được gán vào đối tượng/công trình được gán địa chỉ để nhận biết địa chỉ số của đối tượng).

- Khuyến khích các địa phương triển khai đồng bộ việc gắn biển địa chỉ số, với nguồn kinh phí xã hội hóa hoặc được hỗ trợ từ ngân sách phù hợp quy định pháp luật và điều kiện thực tế của từng địa phương.

### **4. Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về Nền tảng địa chỉ số quốc gia và dữ liệu địa chỉ số của tỉnh**

a) Nội dung thông tin, tuyên truyền

Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của Bộ Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch triển khai của tỉnh: Giới thiệu tính năng, lợi ích khi sử dụng Nền tảng địa chỉ số, hướng dẫn sử dụng; khen thưởng các tổ chức, doanh nghiệp điển hình phát triển, sử dụng Nền tảng địa chỉ số; các nội dung khác liên quan đến phát triển và sử dụng Nền tảng địa chỉ số.

b) Phương thức thông tin, tuyên truyền

Xây dựng tài liệu truyền thông, thực hiện thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Internet và hệ thống truyền thanh cơ sở về Nền tảng địa chỉ số quốc gia; thông tin, tuyên truyền theo các phương thức khác.

c) Tổ chức các hội thảo, hội nghị, tọa đàm về phát triển và sử dụng Nền tảng địa chỉ số quốc gia



Triển khai tập huấn, hướng dẫn các địa phương, doanh nghiệp sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia phục vụ cho các mục tiêu của tỉnh.

*(Chi tiết phân công thực hiện nhiệm vụ năm 2022 tại Phụ lục III)*

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước, kinh phí xã hội hóa và nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Thông tin và Truyền thông**

a) Là cơ quan đầu mối điều phối chung, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch, xây dựng dự toán kinh phí để tổ chức triển khai Kế hoạch.

b) Tổ chức đánh giá, công nhận Nền tảng địa chỉ số của tỉnh.

c) Nghiên cứu xây dựng quy chế quản lý, duy trì và khai thác CSDL địa chỉ số của tỉnh.

d) Xây dựng phương án thông báo địa chỉ số cho chủ địa chỉ hoặc người đang khai thác, sử dụng địa chỉ, thiết kế mẫu biển địa chỉ số trên cơ sở mẫu chung do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định hoặc sử dụng mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

đ) Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và qua hệ thống truyền thanh cơ sở về việc triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia trên địa bàn tỉnh.

e) Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố và doanh nghiệp phát triển Nền tảng địa chỉ số thu thập, bổ sung các trường thông tin nâng cao của địa chỉ số (được phân loại tại Phụ lục II Kế hoạch này).

g) Phối hợp với Bưu điện tỉnh và các đơn vị liên quan thu thập, cập nhật thông tin các đối tượng địa chỉ khác để xây dựng các bản đồ số chuyên ngành theo nhu cầu thực tế của các ngành, lĩnh vực.

#### **2. Sở Tài nguyên và Môi trường**

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp thông tin dữ liệu liên quan đến bản đồ số, địa chỉ số để phát triển Nền tảng bản đồ số, Nền tảng địa chỉ số của tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tích hợp Nền tảng bản đồ số và Nền tảng địa chỉ số của tỉnh để phát triển các giải pháp, Nền tảng số “Make in Viet Nam” phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

c) Thực hiện thu phí, lệ phí khai thác thông tin dữ liệu về đất đai theo quy định hiện hành.

#### **3. Sở Tài chính**

Trên cơ sở dự toán của các cơ quan, đơn vị, khả năng cân đối ngân sách nhà nước, nguồn lực tài chính hợp pháp khác và các văn bản quy định hiện hành,



Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

#### **4. UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn**

a) Phối hợp với Bưu điện tỉnh thu thập các trường thông tin cơ bản của địa chỉ số được phân loại tại Phụ lục II Kế hoạch này và bổ sung các địa chỉ số mới (nếu có) để tạo lập CSDL địa chỉ số của tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thông báo thông tin mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ.

#### **5. Báo Kiên Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang**

Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số và các thông tin liên quan đến việc triển khai Kế hoạch.

#### **6. Bưu điện tỉnh Kiên Giang**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng, phê duyệt và triển khai Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số tại tỉnh Kiên Giang năm 2022 (gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để báo cáo).

b) Bố trí nguồn lực đầu tư, nghiên cứu, làm chủ công nghệ, vận hành, phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số đảm bảo cung cấp các dịch vụ cơ bản của Nền tảng địa chỉ số (tra cứu, tạo địa chỉ số, đăng ký địa chỉ số, xác thực địa chỉ số) và cung cấp dịch vụ nâng cao của Nền tảng địa chỉ số (chỉ đường, dẫn đường đến địa chỉ số).

c) Chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường thu thập các trường thông tin cơ bản của địa chỉ số được phân loại tại Phụ lục II Kế hoạch này) và bổ sung các địa chỉ số mới (nếu có) để tạo lập CSDL địa chỉ số của tỉnh.

d) Xây dựng phương án truyền thông về Nền tảng địa chỉ số để chủ địa chỉ, người đang sử dụng biết, sử dụng, tạo thói quen sử dụng địa chỉ số trong xã hội.

d) Xây dựng quy trình cấp tài khoản người dùng: Khai báo, tạo lập, xác thực địa chỉ.

e) Chủ trì, phối hợp các doanh nghiệp phát triển Nền tảng bản đồ số tích hợp với Nền tảng địa chỉ số.

g) Định kỳ tháng, quý, năm hoặc đột xuất khi được yêu cầu có báo cáo gửi Sở Thông tin và Truyền thông về kết quả, tiến độ thực hiện Kế hoạch.

#### **7. Các doanh nghiệp phát triển Nền tảng bản đồ số**

a) Doanh nghiệp bản đồ số trên địa bàn tỉnh có nhu cầu tham gia Kế hoạch này gửi đăng ký về Sở Thông tin và Truyền thông để tham gia khai thác, sử dụng CSDL địa chỉ số, Nền tảng địa chỉ số trên địa bàn tỉnh nhằm phát triển bản đồ số quốc gia, bản đồ số chuyên ngành phục vụ chuyển đổi số.

b) Bố trí nguồn lực đầu tư, nghiên cứu, làm chủ công nghệ, vận hành, phát triển, truyền thông Nền tảng bản đồ số của tỉnh.

c) Phối hợp với Bưu điện tỉnh tích hợp Nền tảng bản đồ số.

d) Định kỳ tháng, quý, năm hoặc đột xuất khi được yêu cầu, có báo cáo gửi Sở Thông tin và Truyền thông.

d) Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục III Kế hoạch này, các nhiệm vụ phát sinh theo đề nghị của cơ quan đầu mối điều phối phát triển Nền tảng.

**8. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số**

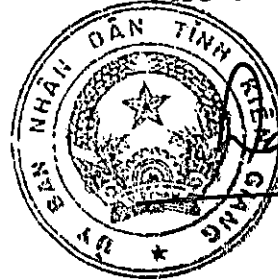
Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số gửi đăng ký đến Sở Thông tin và Truyền thông để tham gia khai thác, sử dụng CSDL địa chỉ số, Nền tảng địa chỉ số quốc gia nhằm phát triển bản đồ số quốc gia, bản đồ số chuyên ngành phục vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông, phê duyệt Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại tỉnh Kiên Giang năm 2022. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết. /.

**Nơi nhận:**

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Bưu điện tỉnh Kiên Giang;
- VNPT Kiên Giang;
- Viettel Kiên Giang;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- LDVP. UBND tỉnh;
- P.KGVX, CVNC;
- Lưu: VT, tqdat.

**K. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Lưu Trung**

# PHỤ LỤC I

## CẤU TRÚC NỀN TẢNG ĐỊA CHỈ SỐ VÀ NGUYÊN TẮC GÁN ĐỊA CHỈ SỐ

(Kèm theo Kế hoạch số 169 /KH-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2022  
của UBND tỉnh Kiên Giang)

### 1. Các khái niệm

1.1. Địa chỉ số là tập hợp thông tin nhằm xác định vị trí, tọa độ của một địa danh hoặc một đối tượng bất kỳ gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Đối tượng được gán địa chỉ số)

1.2. Đối tượng được gán địa chỉ số (gọi tắt là đối tượng) là nhà ở, trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh, công trình xây dựng, địa danh hoặc bất cứ cấu trúc vật lý gắn liền với đất nào cần xác định vị trí để phục vụ nhu cầu đa dạng của người dân, doanh nghiệp, nhà nước và toàn xã hội. Đối tượng gán địa chỉ số được phân loại trong phụ lục II kèm theo.

1.3. Mã địa chỉ số được biểu diễn dưới dạng ký tự số, dễ nhớ, dễ sử dụng, đảm bảo tính duy nhất và có thể thay thế địa chỉ hành chính (nếu cần).

### 2. Cấu trúc địa chỉ số

Địa chỉ số bao gồm Mã địa chỉ số và các trường thông tin địa chỉ số

2.1. Mã địa chỉ số: gồm tập hợp 10 (mười) ký tự số, xác định đối tượng được gán địa chỉ số, cụ thể:

- Năm (05) ký tự số đầu gọi là Mã khu vực, xác định đơn vị hành chính cấp phường, xã và đơn vị hành chính tương đương.

- Năm (05) ký tự số tiếp theo gọi là Mã mở rộng, được gán ngẫu nhiên đến từng Đối tượng cụ thể.

Cấu trúc Mã địa chỉ số thể hiện trong hình sau:

#### Cấu trúc địa chỉ số

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----

#### *Mã khu vực*

(tổ hợp 0-9, gán đến đơn vị hành chính cấp xã)

Được gán đến từng đơn vị hành chính cấp phường/xã/thị trấn

#### *Mã mở rộng*

(tổ hợp 0-9, gán ngẫu nhiên tới từng địa chỉ vật lý cụ thể trong phạm vi khu vực)

Được gán đến từng nhà ở, trụ sở, công trình, địa điểm cần gán địa chỉ. Duy nhất cho mỗi khu vực

### 2.2. Các trường thông tin địa chỉ số

#### a) Các trường thông tin cơ bản



(1) Tên hoặc dấu hiệu nhận biết Đối tượng: là tên, mã số (nếu có) hoặc miêu tả đặc điểm, dấu hiệu nhận biết của đối tượng được gán địa chỉ số.

(2) Địa chỉ hành chính hoặc khu vực hành chính của Đối tượng: là địa chỉ hành chính (nếu có) như số nhà, tên đường, ..., hoặc thông tin khu vực hành chính của Đối tượng (như ấp/khu vực, xã/phường, huyện/thị xã/thành phố, tỉnh).

(3) Loại đối tượng: thông tin về loại của Đối tượng được gán địa chỉ số theo quy định phân loại tại Phụ lục I Kế hoạch này.

(4) Tọa độ địa chỉ: là kinh độ, vĩ độ của vị trí cho phép tiếp cận Đối tượng được gán địa chỉ số từ đường giao thông (cổng vào, lối vào của Đối tượng); Trường hợp Đối tượng có cổng/cửa vào lớn thì lấy tọa độ vị trí trung tâm của cổng/cửa vào của Đối tượng làm tọa độ của địa chỉ.

b) Các trường thông tin nâng cao:

(1) Tên, số điện thoại di động, email (nếu có) của chủ sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình của cá nhân, hộ gia đình).

(2) Tên, số điện thoại di động, email (nếu có) của người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công trình thuộc sở hữu tập thể).

(3) Tên, số điện thoại di động, email (nếu có) của người đang sử dụng/quản lý đối tượng được gán địa chỉ số.

(4) Khuyến khích, bổ sung các trường thông tin nâng cao để tăng giá trị ứng dụng Nền tảng địa chỉ số phù hợp nhu cầu khai thác, sử dụng và phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

### 3. Nguyên tắc gán địa chỉ số

3.1. Một Đối tượng nếu có nhiều lối tiếp cận (lối vào) khác nhau từ đường giao thông (ví dụ cổng trước, cổng sau của 1 ngôi nhà) thì có thể được gán nhiều địa chỉ số; mỗi địa chỉ tương ứng với một lối tiếp cận Đối tượng.

3.2. Đối với Đối tượng có nhiều địa chỉ số (có nhiều lối tiếp cận/lối vào) thì trường thông tin về “Tên hoặc dấu hiệu nhận biết đối tượng” của mỗi địa chỉ số của Đối tượng đó cần ghi rõ thông tin phân biệt (ví dụ: cổng trước hoặc cổng sau của Tòa nhà xxx).

3.3. Đối với loại Đối tượng có kết cấu theo chiều dài tiếp giáp dọc đường giao thông và có thể tiếp cận đối tượng từ bất cứ chỗ nào dọc đoạn đường giao thông đó (ví dụ 1 quả đồi, núi, công viên có đường vòng quanh và không có hàng rào) thì cách gán địa chỉ số cho Đối tượng áp dụng như đối với đường giao thông (đường phố, hẻm, ...), theo đó địa chỉ số của Đối tượng sẽ gồm địa chỉ điểm đầu, địa chỉ điểm cuối và địa chỉ các nút giao, cắt của con đường.



## PHỤ LỤC II PHÂN LOẠI ĐỐI TƯỢNG GÁN ĐỊA CHỈ SỐ

(Kèm theo Kế hoạch số 459 /KH-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2022  
của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đối tượng gán địa chỉ số được phân thành các loại như sau:

### ***I. Nhà ở cá nhân, hộ gia đình***

1. Nhà ở cá nhân, hộ gia đình; nhà ở tập thể, khu nhà trọ; căn hộ (trong các toà nhà, chung cư); nơi cư trú khác.

### ***II. Trụ sở cơ quan, tổ chức***

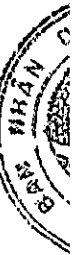
2. *Trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội:* (i) trụ sở đơn vị trực thuộc Bộ, ban, ngành, cơ quan Trung ương; (ii) Trụ sở Tỉnh uỷ, UBND, HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan sở, ban, ngành và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh; (iii) Trụ sở Huyện uỷ, UBND, HĐND quận, huyện và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp huyện; (iv) Trụ sở Đảng uỷ, UBND, HĐND phường, xã và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp xã; (v) Trụ sở tòa án, viện kiểm sát và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; (vi) Nhà tù, trại giam, trại giáo dưỡng; (vii) Trụ sở các cơ quan đoàn thanh niên, hội phụ nữ, công đoàn; (viii) Trụ sở các hội, hiệp hội, liên hiệp hội và tổ chức chính trị - xã hội khác; (ix) Trụ sở các cơ quan nhà nước khác, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp khác, cơ quan chuyên môn của nhà nước.

3. Trụ sở cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài.

### ***III. Các cơ sở dân sinh, kinh tế - xã hội***

4. *Cơ sở giáo dục, đào tạo:* (i) Cơ sở giáo dục mầm non (nhà trẻ, trường/cơ sở mẫu giáo, mầm non); (ii) Cơ sở giáo dục/trường tiểu học; (iii) Cơ sở giáo dục/trường trung học cơ sở; (iv) Cơ sở giáo dục/trường trung học phổ thông, trường phổ thông liên cấp; (v) Cơ sở/trung tâm giáo dục thường xuyên; (vi) Cơ sở đào tạo/trường cao đẳng, đại học; (vii) Cơ sở đào tạo/trường dạy nghề, công nhân kỹ thuật, trung học chuyên nghiệp; (viii) Cơ sở/trung tâm đào tạo (ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ chuyên ngành, âm nhạc, mỹ thuật, kỹ năng sống, kỹ năng chuyên môn, ...); (ix) Cơ sở/trung tâm tư vấn giáo dục, đào tạo, du học; (x) Cơ sở giáo dục đào tạo khác.

5. *Cơ sở y tế, dược phẩm:* (i) Cơ sở y tế, khám chữa bệnh: bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, trạm y tế, trung tâm y tế, điểm/phòng khám chữa bệnh, trung tâm xét nghiệm, trung tâm thí nghiệm y tế, sinh học, khu cách ly y tế, bệnh viện/trại tâm thần, cơ sở y tế khác; (ii) Cơ sở chăm sóc sức khoẻ: cơ sở/trung tâm chăm sóc sức khoẻ, thẩm mỹ viện, spa, massage, cơ sở dưỡng lão, cơ sở chăm sóc



sức khoẻ khác; (iii) Cơ sở dược phẩm, thiết bị y tế: nhà thuốc, cửa hàng dược, cửa hàng thiết bị y tế, công ty/cơ sở sản xuất chế biến dược phẩm, công ty/cơ sở sản xuất thiết bị y tế; cơ sở dược phẩm, thiết bị y tế khác.

6. Cơ sở kinh doanh, bán buôn, bán lẻ, dịch vụ tư vấn, môi giới, sửa chữa, cho thuê: (i) chợ, siêu thị: chợ, chợ đầu mối, siêu thị, toà nhà thương mại, trung tâm mua sắm; (ii) cửa hàng bán lẻ, bán buôn: cửa hàng, cửa hiệu, đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, show room, cơ sở bán buôn, bán lẻ khác; (iii) Cơ sở dịch vụ công chúng, môi giới, quảng cáo: phòng công chúng, trung tâm tư vấn, trung tâm môi giới bất động sản, trung tâm quảng cáo, cơ sở môi giới khác; (iv) Cơ sở dịch vụ xe - máy, sửa chữa: đại lý xe - máy, cơ sở kinh doanh buôn bán xe - máy, đại lý cho thuê, trung tâm bảo hành, gara sửa chữa, cửa hàng sửa chữa, cơ sở dịch vụ xe - máy, dịch vụ sửa chữa khác; (v) Cơ sở dịch vụ studio, ảnh viện, dịch vụ cưới hỏi, ...

7. Cơ sở văn hoá: Trung tâm hội nghị, hội thảo, nhà văn hóa, câu lạc bộ; Bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày; Nhà hát, trung tâm ca nhạc, điểm biểu diễn, rạp chiếu phim, rạp xiếc, rạp múa rối, cơ sở biểu diễn nghệ thuật khác; Di tích lịch sử, nhà/khu bảo tồn văn hoá; Cơ sở văn hóa khác;

8. Cơ sở thể dục, thể thao: Sân vận động, sân bóng đá, sân thi đấu, nhà thi đấu, sân tennis, sân thể thao ngoài trời, sân gôn, sân thể thao khác; Khu tập luyện thể thao, bể bơi, phòng tập gym, yoga, điểm tập luyện thể dục thể thao khác; Cửa hàng, cơ sở bán trang thiết bị, công cụ, dụng cụ thể thao; Cơ sở sản xuất trang thiết bị, công cụ, dụng cụ thể thao; Các cơ sở thể thao khác.

9. Cơ sở, địa danh du lịch, giải trí, ăn uống, lưu trú, đi lại: (i) Điểm du lịch, đi lại: điểm du lịch, danh lam, thắng cảnh, công viên cây xanh, vườn bách thảo, sở thú, khu bảo tồn, khu sinh thái, điểm checkin; bến xe, bến tàu, sân bay, điểm đón trả khách; ... (ii) Cơ sở dịch vụ du lịch, đi lại: đại lý du lịch, trung tâm thông tin du lịch, điểm đặt tour du lịch, trung tâm điều hành tour du lịch, đại lý vé máy bay, tàu, thuyền, cơ sở dịch vụ du lịch, đi lại khác (ii) Cơ sở giải trí: điểm vui chơi giải trí, karaoke, quán bi-a, quán game, cơ sở vui chơi giải trí khác, ...; (iii) Cơ sở ẩm thực, ăn uống: khu ẩm thực, nhà hàng, quán ăn, hàng ăn, quán bia, quán rượu, quán bar, pub, quán cà phê, quán giải khát, ... (iv) Cơ sở lưu trú: khu nghỉ dưỡng, resort, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, homestay, ký túc xá, nhà trọ; (v) Cơ sở du lịch, ăn uống, lưu trú, đi lại khác.

10. Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: đình, đền, chùa, miếu thờ, nhà thờ, tượng phật, tượng thánh, nhà tưởng niệm, nhà tang lễ, lăng mộ, nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, cửa hàng đồ ma chay hiếu hỉ thờ cúng, công trình tôn giáo khác.

11. Cơ sở bưu chính, viễn thông: (i) Bưu chính, chuyên phát: bưu cục, điểm giao nhận hàng chuyên phát, trung tâm chia chọn, trụ sở doanh nghiệp bưu chính chuyên phát, điểm văn hoá xã, cơ sở bưu chính khác; (ii) Viễn thông - Internet: điểm giao dịch viễn thông - internet, đại lý internet, trụ sở doanh nghiệp viễn thông - internet, cơ sở viễn thông, công trình viễn thông, cột ăng ten viễn thông, trạm chuyên phát, cột/đường cáp tín hiệu, các cơ sở công trình viễn thông khác.

12. Cơ sở, công trình báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình: trụ sở các cơ quan báo chí, nhà xuất bản, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, nhà trạm phát sóng, cột ăng ten phát thanh truyền hình, trạm chuyên phát, các cơ sở, công trình báo chí, phát thanh, truyền hình khác.

13. Các cơ sở, doanh nghiệp công nghệ số: trụ sở các doanh nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp điện tử, doanh nghiệp nền tảng số, trung tâm phần mềm, phòng thí nghiệm, thử nghiệm công nghệ (test lab), cơ sở nghiên cứu công nghệ, các cơ sở công nghệ số khác.

14. Các cơ sở ngân hàng, tài chính, bảo hiểm: (i) Cơ sở ngân hàng: trụ sở ngân hàng, điểm giao dịch tín dụng, cây ATM, điểm đổi tiền, trung tâm trung gian tiền tệ, cơ sở dịch vụ ngân hàng khác; (ii) Cơ sở tài chính: trụ sở các tổ chức tài chính, cơ sở dịch vụ tài chính, quỹ đầu tư; (iii) Cơ sở chứng khoán: trụ sở các tổ chức chứng khoán, sàn giao dịch chứng khoán; (iv) Cơ sở kinh doanh vàng bạc đá quý và đồ trang sức; (v) trụ sở các tổ chức bảo hiểm, cơ sở dịch vụ bảo hiểm; (vi) Các cơ sở dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm khác.

15. Cơ sở vận tải, logistic: bến xe, bến tàu thuyền, bến cảng, nhà ga, sân bay, bến hành khách, bến hàng hoá, âu tàu, khu chuyển tải; khu neo đậu; khu tránh, trú bão, bến phà, bến đò, bến sông, kho bãi, trạm thu phí, điểm dừng chân, điểm đón trả khách, trạm chờ xe buýt, bãi đỗ xe, đại lý vận tải, đại lý giao nhận, đại lý dịch vụ logistic, cửa hàng/Trạm bán lẻ xăng, dầu, khí hóa lỏng; trạm cấp/sạc điện, pin điện, thay ắc quy, các cơ sở vận tải, logistic khác.

16. Nhà máy, công xưởng, cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ: nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp thực phẩm (bánh, kẹo, sữa, mì ăn liền, rượu, bia, nước giải khát; nhà máy, cơ sở sản xuất chế biến nông, thủy, hải sản; nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp tiêu dùng (dệt, sợi, in, nhuộm, may mặc, da, giày, nhựa, thủy tinh, giấy, thuốc lá, vi tính, điện tử); các cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ khác.

17. Nhà máy, công xưởng, cơ sở sản xuất công nghiệp nặng: nhà máy, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng; nhà máy, cơ sở luyện kim và cơ khí chế tạo; cơ sở khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; cơ sở khai thác, chế biến, lưu trữ dầu khí; nhà máy, cơ sở sản xuất, công trình điện (nhiệt điện, thủy điện, điện hạt nhân, điện gió, điện mặt trời, điện thủy triều, điện khí, đường dây và trạm

biến áp); nhà máy, cơ sở sản xuất hoá chất (sản xuất phân bón và hóa chất bảo vệ thực vật; sản xuất sản phẩm hóa chất cơ bản, hóa dầu, hóa dược, hóa mỹ phẩm và hóa chất khác; sản xuất sản phẩm nguồn điện hóa học; sản xuất, kho trạm chiết nạp khí công nghiệp; sản xuất sản phẩm cao su; sản xuất, chứa vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ; các cơ sở sản xuất công nghiệp nặng khác.

#### ***IV. Các công trình giao thông, xây dựng***

18. Đường giao thông: đường cao tốc, đường ô tô, đường trong đô thị, đường nông thôn, đường chuyên dùng, đường xe đạp, đường đi bộ, đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng, cầu, nút giao thông (ngã ba, ngã tư, ...), hầm đi bộ sang đường, cầu đi bộ sang đường, các cơ sở hạ tầng giao thông khác;

19. Công trình cung cấp cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật: Công trình cấp nước (nhà máy nước, trạm bơm cung cấp nước); Công trình thoát nước (hồ điều hoà, trạm bơm thoát nước, trạm xử lý nước thải, trạm bơm nước thải, trạm xử lý bùn); Cơ sở xử lý chất thải rắn (CTR); các cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật khác.

20. Công trình xây dựng khác: gồm các loại công trình xây dựng theo quy định về phân loại, phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng<sup>1</sup> không nằm trong các loại nêu trên.

21. Cấu trúc xây dựng, cấu trúc vật lý gắn liền với đất (nhưng chưa được xếp loại công trình liệt kê ở trên) như cột cấp nước cứu hoả, cột đèn đường, cột biển báo giao thông, cây ATM, ...

#### ***V. Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất***

22. Các khu đô thị, khu thương mại dịch vụ, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu nông nghiệp công nghệ cao, khu nông nghiệp đặc thù, các loại khu, phân khu khác.

23. Các thửa đất, lô đất, khu đất: đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; đất xây dựng trụ sở; Đất xây dựng công trình sự nghiệp; Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; đất nông nghiệp (gồm đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, và đất nông nghiệp khác.

#### ***VI. Các đối tượng khác***

24. Cấu trúc tự nhiên gắn liền với đất (như mỏm đá, ao, hồ, gò, đồi, núi, ...).

25. Các loại địa điểm, công trình, cấu trúc vật lý, đối tượng gắn liền với đất khác cần xác định vị trí./.

<sup>1</sup> Tham khảo các loại công trình tại các phụ lục của Thông tư 06/2021/TT-BXD <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Thong-tu-06-2021-TT-BXD-phan-cap-cong-trinh-xay-dung-480818.aspx>

**Phụ lục III**  
**PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2022**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 159 /KH-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2022*  
*của UBND tỉnh Kiên Giang)*

**A. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2022**

1. 100% đối tượng được phân loại tại Mục I, II Phụ lục II Kế hoạch này được thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số; Khuyến khích thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng tại Mục III Phụ lục II của Kế hoạch này.

2. 100% chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ số được phân loại tại Mục I, II Phụ lục II Kế hoạch này được thông báo thông tin Mã địa chỉ số; Khuyến khích thông báo cho các đối tượng tại Mục III phụ lục II của Kế hoạch này.

**B. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
<b>I</b>	<b>Tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia</b>			
1	Tham mưu UBND ban hành Kế hoạch Triển khai Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch phát triển nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại tỉnh Kiên Giang năm 2022	Sở Thông tin và Truyền thông	Bưu điện tỉnh	Tháng 6/2022
2	Thực hiện thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II (tối thiểu cho các đối tượng tại các Mục I, II Phụ lục II) vào cơ sở dữ liệu địa chỉ số của tỉnh <i>Ghi chú: Một địa chỉ số khi thu thập, cập nhật dữ liệu phải đảm bảo tối thiểu có đủ các trường thông tin cơ bản</i>	Bưu điện tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn	Tháng 7 - Tháng 9/2022
3	Thu thập, bổ sung các trường thông tin nâng cao của địa chỉ số cho các đối tượng phụ lục II (tối thiểu cho các đối tượng tại các Mục I, II Phụ lục II) vào cơ sở dữ liệu số của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Bưu điện tỉnh; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn	Tháng 7 - Tháng 10/2022



STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
4	Cung cấp thông tin dữ liệu liên quan đến bản đồ số, địa chỉ số để phát triển nền tảng bản đồ số, nền tảng địa chỉ số của tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 7/2022
<b>II</b>	<b>Triển khai, thúc đẩy sử dụng các dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số</b>			
1	Nghiên cứu xây dựng quy chế quản lý, duy trì và khai thác cơ sở dữ liệu địa chỉ số của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Bưu điện tỉnh	Quý III/2022
2	Phát triển nền tảng bản đồ số thu thập, cập nhật thông tin các đối tượng địa chỉ khác để xây dựng các bản đồ số chuyên ngành theo nhu cầu thực tế của các ngành, lĩnh vực	Sở Thông tin và Truyền thông	Bưu điện tỉnh	Quý IV/2022
3	Chủ trì, phối hợp với Doanh nghiệp phát triển Nền tảng địa chỉ số thu thập, bổ sung các trường thông tin nâng cao của địa chỉ số ( <i>phân loại tại Phụ lục II Kế hoạch</i> )	Sở Thông tin và Truyền thông	Bưu điện tỉnh	Quý III/2022
<b>III</b>	<b>Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số</b>			
1	Xây dựng phương án thông báo địa chỉ số cho chủ địa chỉ hoặc người đang khai thác, sử dụng địa chỉ ( <i>theo mẫu của tỉnh hoặc sử dụng mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định</i> )	Sở Thông tin và Truyền thông	Bưu điện tỉnh	Quý III/2022
2	Thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, thành phố; Bưu điện tỉnh	Quý III/2022
<b>IV</b>	<b>Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về nền tảng địa chỉ số quốc gia và dữ liệu địa chỉ số của tỉnh</b>			
1	Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số	Báo Kiên Giang; Đài Phát thanh và	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 7-12/2022

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
		Truyền hình Kiên Giang		
2	Tổ chức truyền thông về Nền tảng địa chỉ số để chủ địa chỉ, người đang sử dụng, khai thác địa chỉ biết, sử dụng, tạo thói quen sử dụng địa chỉ số trong xã hội.	Bưu điện tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 10/2022

